

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: 668 /BSG-KTTK
Giải trình BCTC riêng Quý 2 năm 2021
Explanation of the separate FS
of 2nd quarter of 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2021
Ho Chi Minh City, July 29 2021

Kính gửi/To: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**
Organization name : *Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation*
Mã chứng khoán : **SAB**
Security symbol : *SAB*
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM
Address : *187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City*

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2021 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation (SABECO) explained the separate financial statement of the 2nd quarter 2021 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
Separate income statement:

(Đơn vị tính: VNĐ)

KHOẢN MỤC/ITEMS	Quarter 2		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2021	2020		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	8,319,546,297,806	7,367,983,548,184	951,562,749,622	13%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	2,782,217,081		2,782,217,081	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	8,316,764,080,725	7,367,983,548,184	948,780,532,541	13%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	7,033,096,266,473	6,263,057,396,418	770,038,870,055	12%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	1,283,667,814,252	1,104,926,151,766	178,741,662,486	16%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	858,902,176,926	496,709,941,395	362,192,235,531	73%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	(13,640,551,269)	13,243,781,288	(26,884,332,557)	-203%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	1,006,077,693,485	679,130,645,556	326,947,047,929	48%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	3,888,457,402	147,344,604,302	(143,456,146,900)	-97%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	1,146,244,391,560	761,917,062,015	384,327,329,545	50%
11. Thu nhập khác/ Other income	1,219,947,951	920,827,300	299,120,651	32%



12. Chi phí khác/ Other expenses	987,720,066	765,913,748	221,806,318	29%
13. Kết quả từ các hoạt động khác/ Results of other activities	232,227,885	154,913,552	77,314,333	50%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	1,146,476,619,445	762,071,975,567	384,404,643,878	50%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	69,355,756,090	75,670,704,997	(6,314,948,907)	-8%
16. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/(benefit) – deferred	12,166,708,946	12,386,359,549	(219,650,603)	-2%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	1,064,954,154,409	674,014,911,021	390,939,243,388	58%

KHOẢN MỤC/ITEMS	For the 06 month period ended 30 June		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2021	2020		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	15,556,183,173,438	13,022,899,257,153	2,533,283,916,285	19%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	6,239,991,997		6,239,991,997	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	15,549,943,181,441	13,022,899,257,153	2,527,043,924,288	19%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	13,195,142,846,999	11,070,075,097,550	2,125,067,749,449	19%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	2,354,800,334,442	1,952,824,159,603	401,976,174,839	21%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	1,492,477,086,139	1,003,291,692,005	489,185,394,134	49%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	(15,818,404,764)	19,119,293,319	(34,937,698,083)	-183%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	1,724,486,791,332	1,046,311,388,223	678,175,403,109	65%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	81,116,838,994	210,272,328,630	(129,155,489,636)	-61%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	2,057,492,195,019	1,680,412,841,436	377,079,353,583	22%
11. Thu nhập khác/ Other income	74,631,491,372	1,947,649,603	72,683,841,769	3732%
12. Chi phí khác/ Other expenses	1,634,935,115	1,445,985,350	188,949,765	13%
13. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	72,996,556,257	501,664,253	72,494,892,004	14451%
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	2,130,488,751,276	1,680,914,505,689	449,574,245,587	27%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	219,994,569,317	221,058,261,169	(1,063,691,852)	0%
16. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/(benefit) – deferred	13,688,879,876	31,575,103,111	(17,886,223,235)	-57%
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	1,896,805,302,083	1,428,281,141,409	468,524,160,674	33%

Giải trình:

Explanation:

Trong 6 tháng đầu năm 2021, công ty đã thực hiện nhiều giải pháp toàn diện để tối ưu hóa việc quản lý kinh doanh và tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động bán hàng, từ đó góp phần giảm thiểu ảnh hưởng từ làn sóng thứ 3 và thứ 4 của đại dịch Covid và nâng cao hiệu quả kinh doanh

In first half of 2021, the company has implemented many comprehensive solutions to optimize business management and enhanced sales activities, that helped to mitigate the impact of the 3rd and 4th wave of the Covid pandemic and improve business efficiency.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2021 của SABECO.

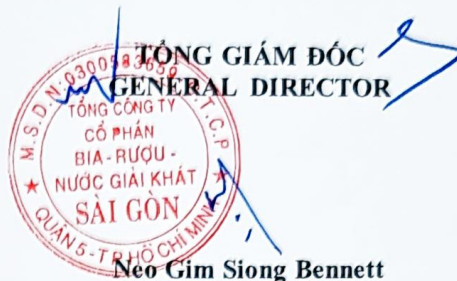
The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's separate financial statement of the 2nd quarter 2021.

Trân trọng./.

Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above*;
- CTHDQT / *Chairman*;
- Lưu: VT/ *Save at the Office*.


Neo Gim Siong Bennett

